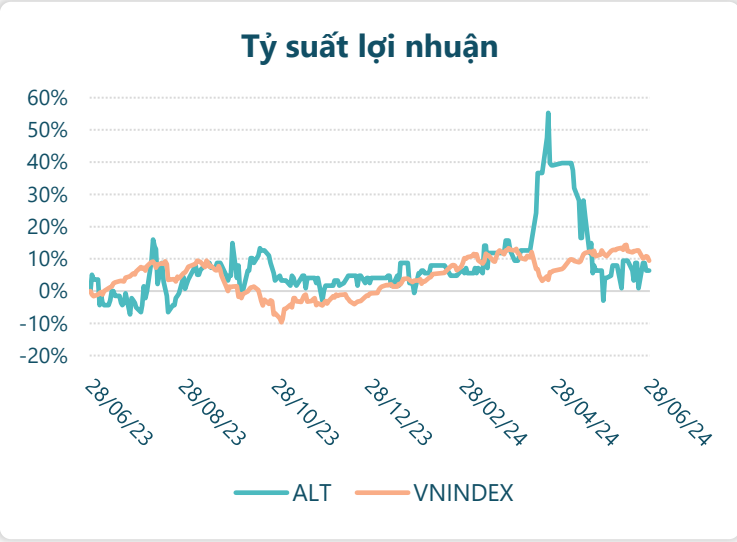


Ngày	13,700 VNĐ		
28/06/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	1.5%	-5.5%	3.8%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	11,947 - 20,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	79
Số lượng CPLH (CP)	5,736,709
KLGD BQ 20 phiên (CP)	400
Sở hữu nước ngoài	3.2%
Beta	(0.89)
EPS	27
P/E	513.9



Doanh thu thuần
Q2/24

108

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 18.5 | 20.5%

YoY: ▲ 27.1 | 33.3%

Nợ/VCSH
Q2/24

70.0%

YoY: +/- ▲ 11.1%

LN gộp
Q2/24

12.3

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 6.13 | 100.0%

YoY: ▼0.10 | -0.5%

ROE (TTM)
Q2/24

0.1%

YoY: +/- ▼ 1.4%

LN trước thuế
Q2/24

2.11

tỷ VNĐ

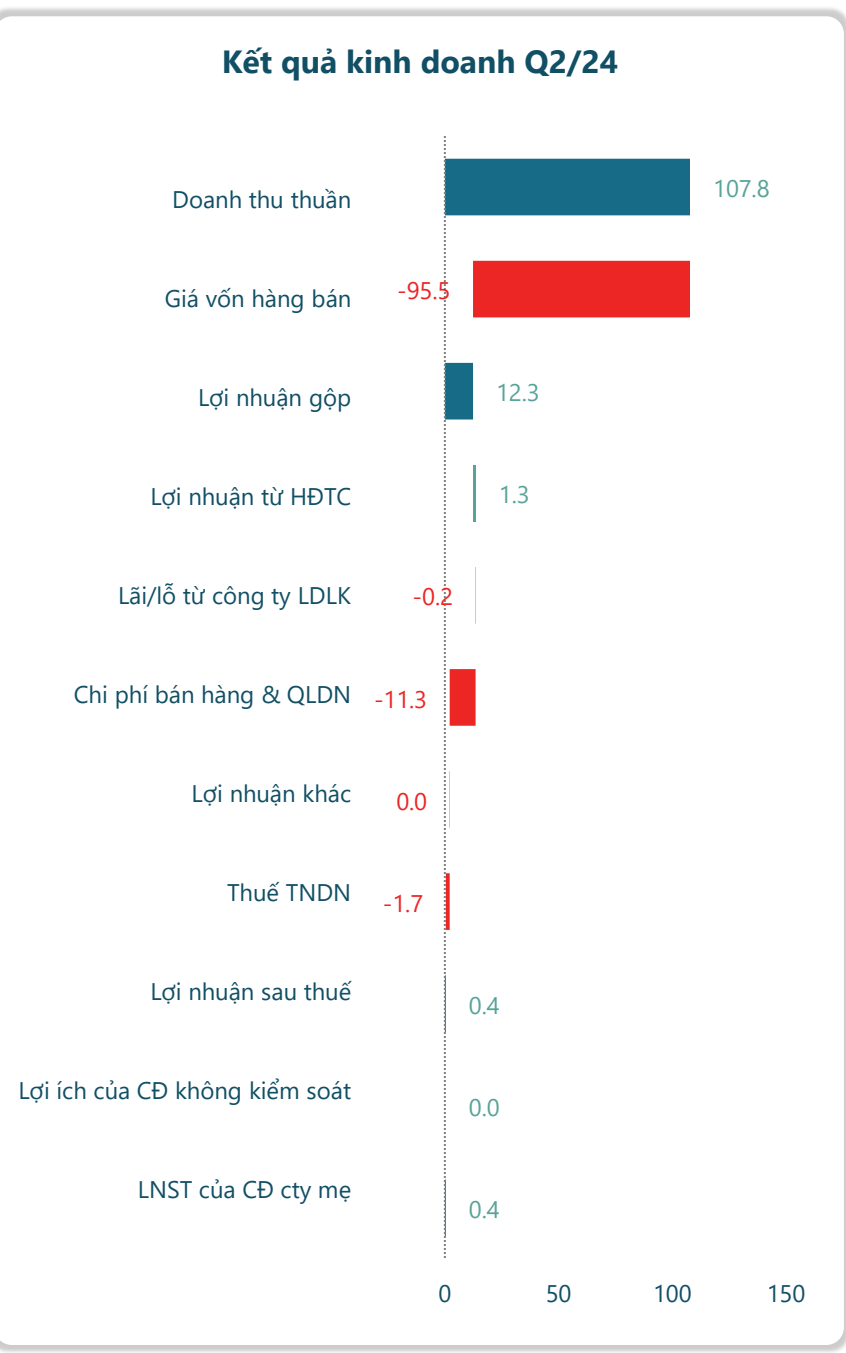
QoQ: ▲ 5.41 | 164%

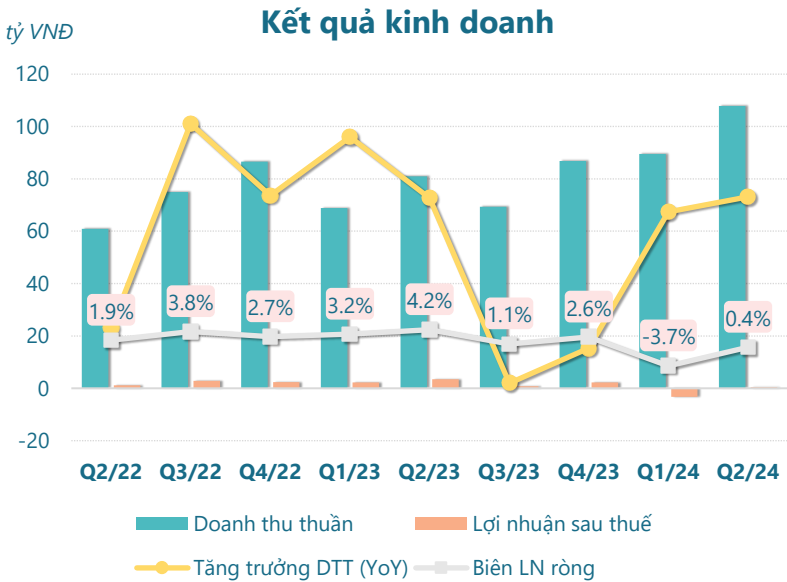
YoY: ▼2.09 | -49.8%

ROA (TTM)
Q2/24

0.0%

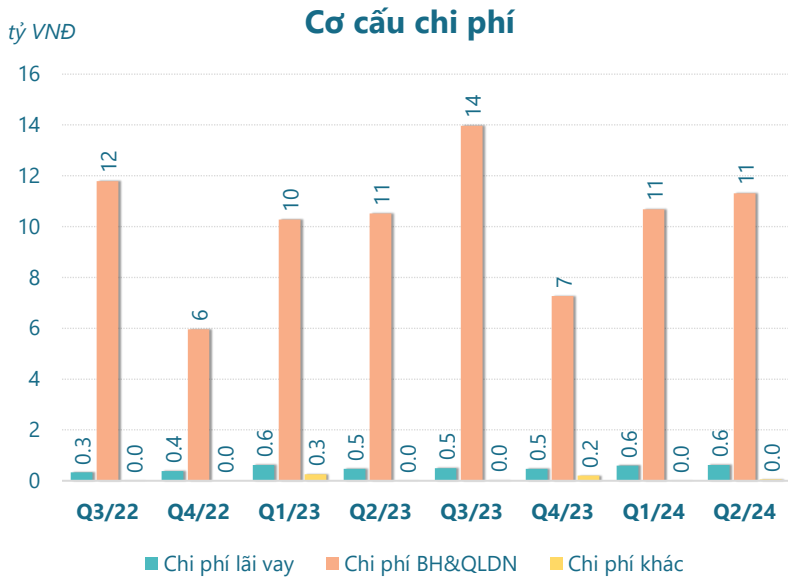
YoY: +/- ▼ 0.9%





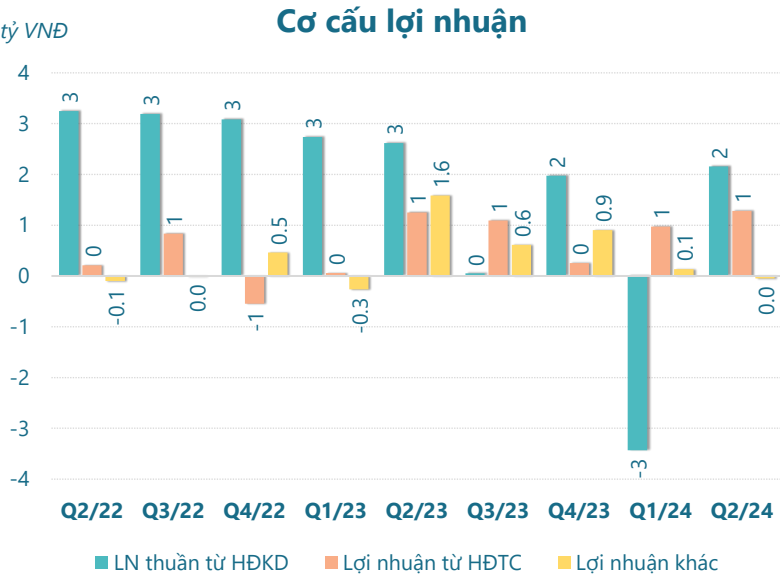
Tại quý II năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **lãi 2.16 tỷ đồng**, tăng thêm 5.59 tỷ đồng so với kỳ trước và thấp hơn 17.6% so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **lãi 1.28 tỷ đồng**, tăng thêm 32.0% so với kỳ trước và cao hơn 2.40% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **lỗ 0.05 tỷ đồng** giảm đi 138% so với kỳ trước và thấp hơn 103% so với cùng kỳ năm trước.



Kết quả kinh doanh của **ALT** quý II năm 2024, doanh thu thuần đạt **107.8 tỷ đồng** tăng thêm **33.2%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 0.41 tỷ đồng**, **giảm sút 88.0%** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **197.0 tỷ đồng** cao hơn 31.3% so với cùng kỳ năm trước, **Lũy kế 6 tháng** đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **197.0 tỷ đồng** cao hơn 31.3% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lỗ -3.00 tỷ đồng** thấp hơn



Tại quý II, chi phí lãi vay bằng **0.61 tỷ đồng** tăng thêm 3.39% so với kỳ trước và cao hơn 29.8% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **11.31 tỷ đồng** tăng thêm 5.80% so với kỳ trước và cao hơn 7.51% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí khác bằng **0.05 tỷ đồng** tăng thêm 0.05 tỷ đồng so với kỳ trước và cao hơn 400% so với cùng kỳ năm trước.

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q1/24	Thay đổi QoQ	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	108	89.5	20.5%	80.9	33.3%	197	150	31.7%
Giá vốn hàng bán	95.5	83.3	14.6%	68.6	39.2%	179	125	43.5%
Lợi nhuận gộp	12.3	6.17	100.0%	12.4	-0.5%	18.5	25.2	-26.6%
Doanh thu HĐTC	2.17	1.79	21.1%	2.05	5.7%	3.95	2.83	39.9%
Chi phí TC	0.89	0.81	9.6%	0.80	11.0%	1.70	1.52	12.2%
Chi phí lãi vay	0.61	0.59	4.2%	0.47	30.8%	1.21	1.09	10.6%
LN trong công ty LKLD	-0.15	0.11	-239%	-0.48	68.2%	-0.04	-0.40	90.1%
Chi phí bán hàng	4.02	4.76	-15.6%	1.40	187%	8.78	6.31	39.2%
Chi phí QLDN	7.29	5.92	23.1%	9.12	-20.1%	13.2	14.5	-8.8%
LN thuần từ HĐKD	2.16	-3.43	163%	2.62	-17.7%	-1.27	5.35	-124%
Lợi nhuận khác	-0.05	0.13	-137%	1.58	-103%	0.08	1.32	-93.6%
LN trước thuế	2.11	-3.30	164%	4.20	-49.8%	-1.19	6.68	-118%
Lợi nhuận sau thuế	0.41	-3.30	112%	3.41	-88.0%	-2.89	5.64	-151%
LNST của CĐ cty mẹ	0.41	-3.30	112%	3.41	-88.0%	-2.89	5.64	-151%

